TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST
Ngày 31- 03-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Ông Bùi Đình Phùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Quý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Công Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P; Địa chỉ: Số 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh T, Phó phòng quan hệ khách hàng doanh nghiệp và ông Phạm Quang T1, Chuyên viên phòng Quan hệ khách hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần P, chi nhánh Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 300b/2019/GUQ-HDBank ngày 29/7/2019), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K; địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn D - Giám đốc; địa chỉ: Số 76 C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1979; địa chỉ; Số 76 C, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Bà Lê Thị Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với Công ty trách nhiệm hữu hạn K (sau đây gọi tắt là Công ty) đã thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 9057/18MB/HĐTD ngày 10/12/2018. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho Công ty vay số tiền là 550.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động mua sắt thép, tôn Inox...; thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, lãi suất do hai bên thỏa thuận theo khế ước nhận nợ là 8.7%/năm, lãi suất này được cố định trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bên nhận nợ nhận tiền vay và điều chỉnh 1 tháng /lần. Công ty có nghĩa vụ trả nợ gốc cuối kỳ và trả nợ lãi vào ngày 12 hàng tháng. Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên. Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty, anh Trịnh Văn D và chị Lê Thị Y đã thế chấp tài sản là: Giá trị quyền sử dụng 420m^2 đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 985996 ngày 12/01/2018 cho chủ sử dụng là ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y. Việc thế chấp thửa đất đã được ông D và bà Y thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9057/18MB/HĐBĐ ngày 10/12/2018 và được đăng ký theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 11/12/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty đã nhận đủ số tiền vay theo khế ước nhận nợ số 9057/18/MB/HĐTD/KUNN01 ngày 12/12/2018. Tuy nhiên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng từ ngày 12/2/2019, cụ thể tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/3/2020, Công ty còn nợ số tiền gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.896.438 đồng, nợ lãi quá hạn: 61.025.484 đồng, tổng nợ gốc và lãi là: 630.921.923 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu Công ty thanh toán cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, tuy nhiên Công ty không thực hiện việc trả nợ. Do Công ty đã vi phạm thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 630.921.923 đồng. Nếu Công ty không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Giá trị quyền sử dụng 420m^2 đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: Thôn

V, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 985996 ngày 12/01/2018 cho chủ sử dụng là ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y. Nếu sau khi phát mại tài sản bảo đảm vẫn chưa thanh toán hết khoản nợ thì Công ty vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn K do ông Trịnh Văn D - giám đốc là người đại diện theo pháp luật đồng thời ông D còn là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập nhiều lần cũng như thông báo hòa giải và mở phiên tòa xét xử nhưng ông D vẫn không có mặt và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Y trình bày: Việc Ngân hàng và Công ty có ký hợp đồng tín dụng như nêu trên là đúng, để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng, bà Y và ông Trịnh Văn D đã thế chấp tài sản là giá trị quyền sử dụng 420m^2 đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 985996 ngày 12/01/2018 cho chủ sử dụng là ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y. Việc thế chấp đã được bà Y và ông D đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 11/12/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K theo đúng quy định của pháp luật. Sau đó đến ngày 29/3/2019 bà Y và ông D đã ly hôn theo bản án số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn, về tài sản và công nợ chung bà Y và ông D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay, bà đề nghị Công ty phải có trách nhiệm thanh toán khoản vay cho Ngân hàng, bà không đồng ý phát mại tài sản thế chấp. Nếu trong trường hợp phải phát mại tài sản thế chấp thì nếu khi phát mại giá trị tài sản thế chấp lớn hơn khoản vay của Công ty thì bà đề nghị Ngân hàng trả lại cho bà và ông D để tự thỏa thuận với nhau, nếu trị giá tài sản ít hơn khoản vay thì Công ty phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Ngoài ra tại phiên tòa bà còn đề nghị Ngân hàng cẩn thận hơn trong việc xem xét, thẩm định thủ tục cho khách hàng vay vì Công ty thực tế không có việc mua bán với bà Trịnh Thị Kim L, tuy nhiên bà Y sẽ có đề nghị với cơ quan có thẩm quyền theo một trình tự khác nếu có nhu cầu, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn

và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn D, bà Lê Thị Y chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của các bên đương sự đề nghị hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 281, 290, 302, 317, 318,319, 320, 325, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật đất đai; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị hội đồng xét xử tuyên buộc Công ty TNHH K phải thanh toán khoản nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, trường hợp Công ty không thanh toán được khoản nợ thì phát mại tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay; trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay mà còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông D, bà Y; nếu trị giá tài sản thế chấp chưa đủ để thanh toán khoản vay thì Công ty có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng được ký giữa hai bên có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bị đơn là Công ty TNHH K do ông Trịnh Văn D - Giám đốc là đại diện theo pháp luật đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do vậy, hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là Công ty TNHH K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Văn D.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Công ty TNHH K

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị bị đơn là Công ty TNHH K phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng tính đến ngày 31/3/2020 là 630.921.923 đồng; trong đó: tiền gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 19.896.438 đồng, nợ lãi quá hạn: 61.025.484 đồng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và Công ty có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với Công ty hợp đồng tín dụng hạn mức số 9057/18MB/HĐTD ngày 10/12/2018 và được giải ngân theo khế ước nhận nợ số 9057/18/MB/HĐTD/KUNN01 ngày 12/12/2018. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm 12/02/2019 cho đến nay. Xét hợp đồng tín dụng hạn mức số 9057/18MB/HĐTD ngày 10/12/2018 và khế ước nhận nợ số 9057/18/MB/HĐTD/KUNN01 ngày 12/12/2018 giữa Ngân hàng với Công ty đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của hai bên. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là Ngân hàng đã giải ngân, Công ty đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, việc Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng từ ngày 12/02/2019 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là Công ty phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty phải thanh toán số tiền 630.921.923 đồng (trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi là 80.921.922 đồng) và lãi phát sinh trên nợ gốc tính từ ngày 01/4/2020 cho đến khi Công ty trả hết nợ.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Công ty thanh toán khoản vay, nếu không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng, anh Trịnh Văn D và chị Lê Thị Y đã ký với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 9057/18MB/HĐBĐ ngày 10/12/2018 với nội dung thế chấp tài sản đảm bảo là giá trị quyền sử dụng 420m^2 đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 985996 ngày 12/01/2018 cho chủ sử dụng là anh Trịnh Văn D và chị Lê Thị Y. Việc thế chấp này đã được ông D, bà Y đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318,

319, 320 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp Công ty không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ là có căn cứ, được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Do ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y đã ly hôn theo Bản án số 14/2019/HNGĐ-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng nên trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu trị giá tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng vẫn còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y để ông D, bà Y tự thỏa thuận, phân chia. Nếu khi phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280,317, 318, 319, 320, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Điều 27, 39, 59, 60 Luật hôn nhân và Gia đình; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, buộc:

1.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2020) là 630.921.923 đồng (trong đó nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 19.896.438 đồng, nợ lãi quá hạn là 61.025.484 đồng) và lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 01/04/2020 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 9057/18MB/HĐTD ngày 10/12/2018 và khế ước nhận nợ số 9057/18/MB/HĐTD/KUNN01 ngày 12/12/2018 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P với Công ty Trách nhiệm hữu hạn K cho đến khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn K trả hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn K không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ:

Giá trị quyền sử dụng 420m^2 đất tại thửa đất số 493, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 985996 ngày 12/01/2018 cho chủ sử dụng là ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn K vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P cho đến khi trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 9057/18MB/HĐTD ngày 10/12/2018 và khế ước nhận nợ số 9057/18/MB/HĐTD/KUNN01 ngày 12/12/2018 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P với Công ty Trách nhiệm hữu hạn K.

Trong trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu trị giá tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P vẫn còn thừa thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có trách nhiệm trả cho ông Trịnh Văn D và bà Lê Thị Y để ông D, bà Y tự thỏa thuận, phân chia.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K phải nộp 29.236.877 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 13.586.200 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0008816 ngày 07/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- VKSND H. K;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang